TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2026/QĐST - KDTM	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 280, 293, 295, 298, 299, 203, 307, 317, 318, 319, 323, 463, 466 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30/5/2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2025/TLST- KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Tiến B – chức vụ: Giám đốc A chi nhánh H – Quảng Ninh.

Địa chỉ liên hệ: phố K, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

(Theo văn bản uỷ quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Quốc S, sinh năm: 1955 (đã chết ngày 14/3/2022) và bà Phạm Thị X, sinh năm: 1962

Cùng địa chỉ: phường V, Quảng Ninh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S:

+ Bà Phạm Thị X, sinh năm: 1962; địa chỉ: phường V, Quảng Ninh;

+ Chị Phạm Trang N, sinh năm: 1992; địa chỉ: phường V, Quảng Ninh;

+ Chị Phạm Quỳnh N, sinh năm: 1995; địa chỉ: phường V, Quảng Ninh;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng A và bị đơn bà Phạm Thị X, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) thống nhất bị đơn ông Phạm Quốc S và bà Phạm Thị X còn dư nợ tại Ngân hàng A tính đến ngày 30/5/2026 tổng số tiền là: 3.485.445.781 đồng *(Ba tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng),* trong đó nợ gốc là 2.855.000.000 đồng *(Hai tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu đồng),* nợ lãi trong hạn là 630.445.781 đồng *(Sáu trăm ba mươi triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi mốt)*.

2.2. Ngân hàng A và bị đơn bà Phạm Thị X, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

- Bị đơn bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Quỳnh N, chị Phạm Trang N) cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/5/2026 là 3.485.445.781 đồng *(Ba tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng)* và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/5/2026 trên dư nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8017 – LAV – 202100395 ngày 16/7/2021 cho đến khi bị đơn bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Quỳnh N, chị Phạm Trang N) trả hết nợ cho ngân hàng A.

Chậm nhất đến ngày 30/6/2026, bị đơn bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) phải trả cho ngân hàng A 55.000.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu đồng)* được trừ vào nợ gốc.

Đến ngày 30/9/2026, bị đơn bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) trả tiếp 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng),* trong đó 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* được trừ vào nợ gốc và 100.00.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* được trừ vào tiền lãi quá hạn.

Đối với số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại, ngân hàng A yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) tiếp tục thực hiện trả nợ theo các phân kỳ đã ký kết, thoả thuận với A theo Hợp đồng

tín dụng số 8017 – LAV – 202100395 ngày 16/7/2021. Cụ thể:

Kỳ 1 – ngày 16/01/2027 – trả 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 2 – ngày 16/7/2027 – trả 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 3 – ngày 16/01/2028 – trả 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 4 – ngày 16/7/2028 – trả 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 5 – ngày 16/01/2029 – trả 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 6 – ngày 16/7/2029 – trả 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 7 – ngày 16/01/2030 – trả 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* tiền nợ gốc; 130.445.781 đồng *(Một trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng)* tiền nợ lãi tồn và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ;

Kỳ 8 – ngày 16/7/2030– trả 900.000.000 đồng *(Chín trăm triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh thực tế đến ngày tất toán dư nợ.

2.3. Trường hợp bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Quỳnh N và chị Phạm Trang N) vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ: phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 912093, số vào sổ cấp GCN: H31359 do UBND thành phố H cấp ngày 01/02/2007 mang tên ông Phạm Quốc S, bà Phạm Thị X. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2021.040/HĐTC ngày 16/7/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/7/2021. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Quốc S, bà Phạm Thị X với Ngân hàng A.

2.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả hết nợ cho A thì bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho A. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) có nghĩa vụ trả nợ cho A trong phạm vi di sản mà ông Phạm Quốc S để lại.

2.5. *Về án phí:* bị đơn bà Phạm Thị X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phạm Quốc S (gồm bà Phạm Thị X, chị Phạm Trang N và chị Phạm Quỳnh N) phải liên đới nộp 50.854.458đ *(Năm mươi triệu tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hang A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.849.473đ *(Bốn mươi chín triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002800 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh.

2.6. *Về chi phí tố tụng:* Ngân hàng A tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.600.000 đồng *(Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Huyền